



Người ký: CÔNG TY CP CƠ KHÍ -
LẮP MÁY SÔNG ĐÀ
Ký ngày: 29/08/2026 17:11:22

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**KỲ KÉ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
5. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	11 - 12
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	13 - 41

THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Cho thuê nhà xưởng; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Số 128 đường Lê Thánh Tông, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh 5	Lô K đường số 4 khu công nghiệp Liên Chiêu, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Văn Tám	Thành viên / Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Vũ Anh Đoàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Trịnh Quốc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026
Ông Vũ Văn Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Tám	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tám - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Văn Tám

Ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0615/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày ở thuyết minh I.6a, Báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (Công ty con) và Chi nhánh Long Sơn của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) không được kiểm toán do các đơn vị này đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính của các đơn vị này được hợp nhất vào Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với tổng tài sản là 34.666.233.685 VND (số đầu năm là 34.666.233.685 VND), nợ phải trả là 49.240.892.375 VND (số đầu năm là 49.280.892.375 VND) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là (21.772.626.388) VND (số đầu năm là (21.772.626.388) VND).

Các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 chưa được phân loại theo công dụng của tài sản (Xem Thuyết minh số V.10). Thời gian khấu hao của các tài sản này đang ước tính là 30 năm mà chưa khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích của từng tài sản. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026, khoản mục “Hàng tồn kho” phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, với giá trị ghi sổ 70.501.523.263 VND. Chúng tôi không thể ước tính được giá trị có thể thu hồi đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình này.

Một số khoản công nợ phải thu (phải thu khách hàng, phải thu khác và trả trước cho người bán) và công nợ phải trả (phải trả người bán, phải trả khác và người mua trả tiền trước) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026 lần lượt là 63.076.391.908 VND và 87.777.973.991 VND, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 82.478.591.607 VND và 76.661.455.437 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Nhóm công ty.

Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày; và chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán đối với các khoản nợ phải trả người bán đã quá hạn, căn cứ theo phán quyết của Tòa án. Theo ước tính của kiểm toán viên, nếu Công ty ghi nhận các số liệu trên, các khoản mục trong các báo cáo tài chính sẽ thay đổi như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ: Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng 0 VND; “Chi phí khác” tăng 1.020.179.200 VND; “Lợi nhuận kế toán trước/sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm (1.020.179.200) VND (*Số năm trước: tăng 3.547.992.519 VND; tăng 2.098.205.292 VND và (5.646.197.811) VND*); Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ: “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng 18.581.605.461 VND; “Phải trả ngắn hạn khác” tăng 18.532.640.870 VND; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm (37.114.246.331) VND (*Số đầu năm: tăng/(giảm) lần lượt là 30.215.881.318 VND, 17.512.461.670 VND và (47.728.342.988) VND*).

Ngoài các khoản nợ phải trả mà Nhóm công ty đã bị đối tác khởi kiện, Nhóm công ty chưa ghi nhận lãi chậm thanh toán đối với các khoản công nợ phải trả không có đối chiếu, xác nhận công nợ trong nhiều năm. Theo ước tính của kiểm toán viên, nếu Công ty ghi nhận các số liệu trên, các khoản mục trong các báo cáo tài chính sẽ thay đổi như sau: Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ: “Chi phí khác” tăng 2.987.329.464 VND; “Lợi nhuận kế toán trước/sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm (2.987.329.464) VND; Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ: “Phải trả ngắn hạn khác” tăng 8.398.154.128 VND; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm (8.398.154.128) VND.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về khoản lỗ thuần 15.886.492.291 VND của Nhóm công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 413.181.250.679 VND, vốn chủ sở hữu âm 274.611.780.889 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 440.649.538.948 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.1 và VII.6 về việc Công ty đã nhận được thông báo của Tòa án về việc Công ty bị khởi kiện; hoặc Công ty đang là nguyên đơn và là bị đơn trong một số vụ tranh chấp, kiện tụng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368–2023–008-1

Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd, trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.680.874.180	379.545.531.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.513.479.975	7.682.568.711
1. Tiền	111		4.513.479.975	7.682.568.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		159.332.458	159.332.458
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	2.659.332.458	2.659.332.458
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2a	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.481.909.166	253.816.164.893
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	159.166.236.435	170.687.450.788
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.034.254.928	19.968.154.096
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	93.318.147.455	86.247.289.661
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(39.813.754.571)	(39.863.754.571)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		16.777.024.919	16.777.024.919
IV. Hàng tồn kho	140		96.889.893.105	97.507.486.894
1. Hàng tồn kho	141	V.7	96.889.893.105	97.507.486.894
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		20.636.259.476	20.379.978.733
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		354.672.804	230.914.581
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		20.281.586.672	20.149.064.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.117.793.990	215.700.718.097
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	215		48.000.000	48.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		200.688.708.612	205.147.536.763
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	199.068.708.612	203.527.536.763
- Nguyên giá	222		379.693.289.099	379.693.289.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180.624.580.487)	(176.165.752.336)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.620.000.000	1.620.000.000
- Nguyên giá	228		2.175.809.000	2.175.809.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(555.809.000)	(555.809.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		781.492.174	781.492.174
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		4.144.756.579	4.144.756.579
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	39.124.823.018	39.124.823.018
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(35.000.066.439)	(35.000.066.439)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		5.454.836.625	5.578.932.581
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8	5.237.455.900	5.356.496.490
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.11a	217.380.725	222.436.091
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		582.798.668.170	595.246.249.786

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		857.410.449.059	853.885.094.359
I. Nợ ngắn hạn	310		812.330.413.128	803.305.058.428
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	142.601.977.512	145.733.000.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	50.455.188.058	49.647.855.418
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	2.565.290.160	2.565.290.160
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	85.577.428.609	86.076.921.148
5. Phải trả người lao động	315		11.678.308.534	11.474.927.615
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	61.601.772.916	60.941.850.637
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17a	270.197.144.350	260.207.306.564
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	185.817.683.426	184.819.287.287
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	1.835.619.563	1.838.619.563
13. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.080.035.931	50.580.035.931
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	45.054.570.853	50.554.570.853
8. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	343		25.465.078	25.465.078
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	(274.611.780.889)	(258.638.844.573)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(413.181.250.679)	(397.294.758.388)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		(397.294.758.388)	(397.294.758.388)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(15.886.492.291)	-
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		765.579.664	852.023.689
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		582.798.668.170	595.246.249.786

Lê Thị Xuân
Người lập biểu**Phạm Văn Hiện**
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Lê Văn Tám
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.640.397.762	40.144.580.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.640.397.762	40.144.580.831
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.649.096.533	33.438.583.913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.991.301.229	6.705.996.918
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		2.074.504	20.550.338
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	12.643.100.561	11.874.439.560
Trong đó: chi phí đi vay	24		12.643.100.561	11.874.439.560
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.180.744.943	7.839.341.476
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.830.469.771)	(12.987.233.780)
13. Thu nhập khác	31		3.150.000	-
14. Chi phí khác	32	VI.5	1.140.561.179	1.619.114.273
15. Lợi nhuận khác	40		(1.137.411.179)	(1.619.114.273)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.967.880.950)	(14.606.348.053)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11b	5.055.366	5.055.366
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.972.936.316)	(14.611.403.419)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(15.886.492.291)	(14.403.128.262)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(86.444.025)	(208.275.157)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(1.902)	(1.724)
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	(1.902)	(1.724)

Lê Thị Xuân
Người lập biểuPhạm Văn Hiện
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY
SÔNG ĐÀ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Văn Tám
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.967.880.950)	(14.606.348.053)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.577.868.741	4.577.868.741
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	(50.000.000)	2.726.280.401
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(18.749.224)
- Chi phí đi vay	06	VI.3	12.643.100.561	11.874.439.560
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.203.088.352	4.553.491.425
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.251.733.207	7.069.023.442
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		617.593.789	(6.385.529.751)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.330.059.375)	(2.251.932.151)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(123.758.223)	(166.660.675)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1.283.082.625)	(81.661.875)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.000.000)	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.332.515.125	2.733.730.415
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(4.501.603.861)	(3.873.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.501.603.861)	(3.873.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.169.088.736)	(1.139.269.585)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.682.568.711	2.415.761.399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.513.479.975	1.276.491.814

Lê Thị Xuân
Người lập biểuPhạm Văn Hiện
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Lê Văn Tám
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công, và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Cho thuê nhà xưởng; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác. Các công trình tiêu biểu mà Công ty thi công chủ yếu là các hạng mục thuộc Nhà máy Thủy điện (kênh xả, đường ống áp lực, thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị cơ điện...). Công ty thực hiện các hợp đồng theo hai hình thức: tổng thầu thi công xây lắp và ký hợp đồng trực tiếp thông qua đấu thầu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là thực hiện các hợp đồng chế tạo thiết bị thủy công cho các công trình thủy điện nhỏ đã ký trong kỳ và trong năm trước và nghiệm thu các hợp đồng này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các bên giao thầu để quyết toán và đôn đốc thanh toán các hợp đồng thi công lắp đặt thiết bị thủy công của các công trình đã thi công xong, đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ rất lâu nhưng chưa được quyết toán và thanh toán như Xekaman 1, Xekaman 3... Do công nợ phải thu khách hàng tồn đọng nhiều nên Công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, trả nợ nhà cung cấp, nộp thuế, bảo hiểm... dẫn đến chi phí lãi vay, lãi chậm thanh toán rất lớn.

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, Tuyên Quang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,87%	89,87%	89,87%	89,87%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (*)	Số nhà 10 TT33, Khu đô thị Văn Phú, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, chỉ phát sinh một số nghiệp vụ liên quan đến công nợ với Công ty mẹ. Chi nhánh Long Sơn thuộc Công ty Cổ phần Someco Hà Giang cũng dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 của các đơn vị này được hợp nhất vào Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn	100	34.618.233.685	34.618.233.685
Tài sản dài hạn	200	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng tài sản	270	34.666.233.685	34.666.233.685
Nợ phải trả	300	49.240.892.375	49.280.892.375
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(21.772.626.388)	(21.772.626.388)

6b. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Xem thuyết minh V.2b)

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn (nay là Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, tỉnh Lạng Sơn). Hoạt động kinh doanh theo đăng ký của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày kết thúc năm tài chính (được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết) là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này tính đến thời điểm ngày 28/05/2024 là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết. Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2025 và kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty liên kết này. Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1 và đã có phán quyết của Tòa án tại Bản án số 01/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 09 năm 2024 (Xem thuyết minh VII.7).

7. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm công ty có 120 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 123 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Nhóm công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty.

9. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán "MEC". Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 14 tháng 12 năm 2006. Ngày 26 tháng 05 năm 2020, Cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết ở sàn HNX và chuyển xuống giao dịch ở sàn UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2020 do lỗi lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp căn cứ theo Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019. Số lượng cổ phiếu đang đăng ký giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 8.353.620 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Nhóm công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Nhóm công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, thu nhập lãi hàng kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Nhóm công ty không ghi nhận doanh thu đối với cổ tức, cũng như không trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Công ty nhận ủy thác đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu năm (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong năm (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Nhóm công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Nhóm công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với tài sản cố định hình thành từ dự án thủy điện Nậm Ly 1: Nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá trị quyết toán nhà máy được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thời gian khấu hao là 30 năm.

Các tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình này như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294 TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Nhóm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Nhóm công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Nhóm công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Nhóm công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Nhóm công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm:

- Công ty con, công ty liên kết và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Nhóm công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền Nhóm công ty đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.220.990.835	12.215.307
Tiền gửi không kỳ hạn	3.292.489.140	7.670.353.404
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	23.675.716	996.454.542
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	31.006.602	5.713.129.920
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.147.010.660	888.509.373
- Các ngân hàng, tổ chức khác	90.796.162	72.259.569
Cộng	4.513.479.975	7.682.568.711

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản phải thu về cho vay.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Cho vay bên liên quan	159.332.458	-	159.332.458	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	-	159.332.458	-
Cho vay các tổ chức khác	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)	2.500.000.000 (2.500.000.000)
Cộng	2.659.332.458 (2.500.000.000)	2.659.332.458 (2.500.000.000)	2.659.332.458 (2.500.000.000)	2.659.332.458 (2.500.000.000)

Giá trị có thể thu hồi

Công ty xác định khó có thể thu hồi (giá trị có thể thu hồi bằng "0") đối với các khoản cho vay.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng Lượng Someco 1. Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày kết thúc năm tài chính (được xác định theo tỷ lệ vốn cam kết) là 24%, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này tính đến thời điểm ngày 28/05/2024 là 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn cam kết.

Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính năm 2025 và kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ("Someco 1"), cũng như không liên lạc được với người đại diện pháp luật của Công ty.

Someco 1 phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") số tiền là 199.193.137.626 VND (trong đó tiền gốc là 129.223.353.276 VND, tiền lãi là 69.970.784.350 VND) theo bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản thế chấp là dự án thủy điện Bắc Giang chỉ bán đấu giá được 72.931.528.125 VND vào ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Someco 1, được trích lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	39.124.823.018	39.124.823.018
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.190.032.025	1.190.032.025
Phải thu về cho vay ngắn hạn	159.332.458	159.332.458
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(5.469.621.062)	(5.469.621.062)
Phải trả ngắn hạn khác	(4.500.000)	(4.500.000)
Cộng	35.000.066.439	35.000.066.439
Dự phòng tổn thất đầu tư	(35.000.066.439)	(35.000.066.439)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Nhóm công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Someco 1 để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (xem thuyết minh V.18).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

Giá trị có thể thu hồi

Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	99.113.450.712	(5.712.539.218)	109.792.561.038	(5.712.539.218)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	88.151.845.229	(1.125.241.495)	98.127.180.176	(1.125.241.495)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	-	151.704.090	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	-	94.063.956	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	(6.182.844)	6.182.844	(6.182.844)
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	-	130.470.486	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	-	703.775.379	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.675.882.302	(2.675.882.302)	2.675.882.302	(2.675.882.302)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.818.287.073	(1.805.367.073)	1.818.287.073	(1.805.367.073)
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	1.305.180.786	-	1.305.180.786	-
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	99.865.504	(99.865.504)	99.865.504	(99.865.504)
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	3.375.730.088	-	3.375.730.088	-
Phải thu các khách hàng khác	1.304.238.354	-	1.304.238.354	-
Các khách hàng khác	60.052.785.723	(19.441.807.397)	60.894.889.750	(19.491.807.397)
Cộng	159.166.236.435	(25.154.346.615)	170.687.450.788	(25.204.346.615)
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	27.826.309.008	-	41.434.478.153	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015	2.997.545.015
Các nhà cung cấp khác	9.650.859.913	9.584.759.081
Cộng	20.034.254.928	19.968.154.096
Trong đó:		
Số liệu chưa được đối chiếu, xác nhận	14.319.752.353	14.253.651.521
Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Phải thu các bên liên quan	1.735.893.139	1.735.893.139
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	728.895.748	728.895.748
Ông Lê Văn Tám - Tạm ứng	557.000.000	557.000.000
Ông Vũ Anh Đoàn - Tạm ứng	60.000.000	60.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ông Đỗ Ngọc Ánh -Tạm ứng	389.997.391		389.997.391	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	91.582.254.316	(14.659.407.956)	84.511.396.522	(14.659.407.957)
Tạm ứng	41.719.418.503	-	40.057.323.257	(254.194.305)
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	19.894.911.288	-	19.145.910.985	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	761.038.422	-	761.038.422	-
Tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc	15.185.652.594	(11.731.170.758)	14.272.589.526	(11.476.976.453)
Ông Nguyễn Trần Trọng Thảo (*)	4.025.000.000	-		
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.996.233.509	(2.928.237.198)	10.274.534.332	(2.928.237.198)
Cộng	93.318.147.455	(14.659.407.956)	86.247.289.661	(14.659.407.956)

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên Ông Nguyễn Trần Trọng Thảo theo thỏa thuận ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa Công ty mẹ với ông Nguyễn Trần Trọng Thảo.

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Các bên liên quan – phải thu tiền bán hàng	5.712.539.218	(5.712.539.218)	5.712.539.218	(5.712.539.218)
Các tổ chức và cá nhân khác	34.452.228.515	(34.101.215.353)	34.452.228.515	(34.151.215.353)
Phải thu tiền bán hàng	19.777.233.480	(19.441.807.397)	19.777.233.480	(19.491.807.397)
Phải thu tiền tạm ứng	11.746.757.837	(11.731.170.758)	11.746.757.837	(11.731.170.758)
Phải thu ngắn hạn khác	2.928.237.198	(2.928.237.198)	2.928.237.198	(2.928.237.198)
Cộng	40.164.767.733	(39.813.754.571)	40.164.767.733	(39.863.754.571)

Không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.238.654.251		4.238.654.251	
Công cụ, dụng cụ	143.607.834		152.180.384	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.507.631.020		93.116.652.259	
Công trình thủy điện Xekaman 1	26.144.393.390		26.260.347.844	
Công trình thủy điện Xekaman 3	22.728.899.779		22.728.899.779	
Công trình thủy điện Sanxay	15.416.695.551		15.300.741.097	
Công trình khác	28.217.642.300		28.826.663.539	
Cộng	96.889.893.105		97.507.486.894	

(*) Trong đó giá trị các công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ bên giao thầu phê duyệt quyết toán là 70.501.523.263 VND.

8. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.601.598	3.601.598
Chi phí sử dụng đất (tại Đà Nẵng)	5.233.854.302	5.352.894.892
Cộng	5.237.455.900	5.356.496.490

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình					
Nhà máy thủy điện					
Năm Ly 1					
Nhà cửa, vật					
kiến trúc					
Máy móc và					
thiết bị					
Phương tiện vận					
tải, truyền dẫn					
Thiết bị,					
dụng cụ quản lý					
Cộng					
Nguyên giá					
Số đầu năm	265.804.892.663	18.076.084.670	64.723.325.627	28.715.530.214	379.693.289.099
Số cuối kỳ	265.804.892.663	18.076.084.670	64.723.325.627	28.715.530.214	379.693.289.099
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn	-	17.336.964.363	62.506.042.452	22.587.844.175	102.598.843.717
còn sử dụng					
Chờ thanh lý	-	-	2.047.188.268	6.127.686.039	10.380.337.505
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	62.544.571.519	17.948.589.873	64.583.604.805	28.715.530.214	176.165.752.336
Khấu hao trong kỳ	4.430.081.545	28.746.606	-	-	4.458.828.151
Số cuối kỳ	66.974.653.064	17.977.336.479	64.583.604.805	28.715.530.214	180.624.580.487
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	203.260.321.144	127.494.797	139.720.822	-	203.527.536.763
Số cuối kỳ	198.830.239.599	98.748.191	139.720.822	-	199.068.708.612
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

Nguyên giá		Hao mòn lũy kế		Giá trị còn lại	
Nhà máy	Thủy điện Năm Ly 1	265.804.892.663	(66.974.653.064)	198.830.239.599	
các tài sản cố định hữu hình khác		113.888.396.436	(113.649.927.423)	238.469.013	
Cộng		379.693.289.099	(180.624.580.487)	199.068.708.612	

Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh
Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Năm Ly 1 có giá trị còn lại theo sổ sách là 199.858.163.970 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang.
Một số Tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải có nguyên giá theo sổ sách là 2.584.065.195 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty mẹ tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	55.809.000	555.809.000
Số cuối kỳ		500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000			1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000			1.620.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất từ lô đất số 94 đến lô đất số 99 thuộc tờ bản đồ số B2-2 tại Đà Nẵng	1.620.000.000	-	1.620.000.000
Thương hiệu cơ khí lắp máy Sông Đà	500.000.000	(500.000.000)	-
Các tài sản cố định vô hình khác	55.809.000	(55.809.000)	-
Cộng	2.175.809.000	(555.809.000)	1.620.000.000

Tài sản cố định vô hình được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng 557,2 m² đất tại phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng có giá trị theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	222.436.091	232.546.823
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(5.055.366)	(5.055.366)
Số cuối kỳ	217.380.725	227.491.457

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Nhóm công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau do đánh giá ít có khả năng có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích này:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	94.620.514.627	98.354.862.958
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	57.645.881.495	84.801.450.012
Cộng	152.266.396.122	183.156.312.970

Chi tiết như sau:

	Lỗ tính thuế	Lãi vay	Cộng
Năm 2022	4.732.579.803	19.919.254.182	24.651.833.985
Năm 2023	22.426.913.027	23.407.336.659	45.834.249.686
Năm 2024	7.122.178.795	21.135.956.341	28.258.135.136
Năm 2025	18.881.361.275	18.904.071.164	37.785.432.439
6 tháng đầu năm 2026	4.482.848.595	11.253.896.281	15.736.744.876
Cộng	57.645.881.495	94.620.514.627	152.266.396.122

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai đủ để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.
- (ii) Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>23.071.216.135</i>	<i>23.774.991.514</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.406.515.445	1.406.515.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	110.234.772	110.234.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.163.600.443	21.867.375.822
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	657.750	657.750
Công ty TNHH điện Xekaman 3	387.736.725	387.736.725
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>119.530.761.377</i>	<i>121.958.008.522</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.589.976.831	17.589.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	12.381.877.951	12.481.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	16.999.544.884	17.149.544.884
Các nhà cung cấp khác	72.559.361.711	74.736.608.856
Cộng	142.601.977.512	145.733.000.036
<i>Trong đó:</i>		
Công nợ chưa có đối chiếu, xác nhận	59.746.589.283	54.108.246.642
Quá hạn chưa thanh toán	47.956.329.793	45.781.096.758
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>30.670.341.341</i>	<i>32.076.341.341</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	24.617.220.279	26.023.220.279
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH điện Xekaman 3	383.500.000	383.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>19.784.846.717</i>	<i>17.571.514.077</i>
B.Fouress Private Limited	8.654.997.323	7.974.777.930
Các khách hàng khác	11.129.849.394	9.596.736.147
Cộng	50.455.188.058	49.647.855.418
Trong đó: Số chưa được đối chiếu, xác nhận	23.502.633.297	17.975.774.904

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Là khoản phải trả cổ tức của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán, đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.908.480.123	1.661.828.518	(2.758.586.073)	45.811.722.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.937.010.436	-	-	9.937.010.436
Thuế thu nhập cá nhân	1.567.109.059	107.514.777	(37.920.655)	1.636.703.181
Thuế tài nguyên	544.039.870	618.627.959	(1.104.674.435)	57.993.394
Tiền thuê đất	258.260.324	-	-	258.260.324
Phí dịch vụ môi trường rừng	-	298.283.004	(298.283.004)	-
Các loại thuế khác	238.854.677	-	-	238.854.677
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.623.166.659	1.027.110.981	(13.393.611)	27.636.884.029
Cộng	86.076.921.148	3.713.365.239	(4.212.857.778)	85.577.428.609

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Nhóm công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm theo các mức lần lượt là 2.103,1159 VND/KWh (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 09/05/2025); 2.204,0655 VND/KWh (từ ngày 10/05/2025) x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Phí môi trường rừng

Công ty phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND/KWh.

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thông tin khác

Đến ngày 30/06/2026, Công ty mẹ vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản phạt chậm nộp thuế. Công ty mẹ vẫn đang bị cưỡng chế hóa đơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Chi phí dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly	31.285.528.215	31.285.528.215
Chi phí công trình trích trước	22.461.546.925	22.220.789.854
Chi phí quản lý trích trước	4.048.321.664	3.629.156.456
Cộng	61.601.772.916	60.941.850.637

17. Phải trả ngắn hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.972.812.939	18.972.812.939
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	18.968.312.939	18.968.312.939
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	251.224.331.411	241.234.493.625
Tiền lãi vay phải trả	210.078.637.310	198.718.619.374
Kinh phí công đoàn	2.607.059.394	2.598.027.295
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	27.766.513.462	28.526.501.801
Nhận ủy thác đầu tư	20.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.752.121.245	11.371.345.155
Cộng	270.197.144.350	260.207.306.564

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả (*)	210.078.637.310	198.718.619.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	27.766.513.462	28.526.501.801
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.596.594.547	6.645.277.027
Cộng	244.441.745.319	233.890.398.202

(*) Trong đó lãi phạt gốc quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 35.123.737.387 VND (tại ngày 01/01/2026 là 35.123.737.387 VND).

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	169.958.913.210	170.908.946.210
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình ⁽ⁱ⁾	149.036.077.986	149.986.110.986
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	20.922.835.224	20.922.835.224
Vay ngắn hạn các cá nhân	250.341.077	250.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.18b)	15.608.429.139	13.660.000.000
Cộng	185.817.683.426	184.819.287.287

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 01/2018/645305/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2018, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1a).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng hạn mức tín dụng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 9 tháng, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, mệnh giá 39.124.820.000 VND. Ngoài ra, Công ty còn dùng một số phương tiện vận tải của Công ty và của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay và bảo lãnh tại Ngân hàng (xem thuyết minh VII.1a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	170.908.946.210	250.341.077	13.660.000.000	184.819.287.287
Số kết chuyển	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(950.033.000)	-	(3.551.570.861)	(4.501.603.861)
Số cuối kỳ	<u>169.958.913.210</u>	<u>250.341.077</u>	<u>15.608.429.139</u>	<u>185.817.683.426</u>

18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 252 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	15.608.429.139	13.660.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Trên 5 năm	1.054.570.853	6.554.570.853
Cộng	<u>60.662.999.992</u>	<u>64.214.570.853</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	50.554.570.853	61.554.570.853
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Số cuối kỳ	<u>45.054.570.853</u>	<u>56.054.570.853</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Toàn bộ số tiền vay ngắn hạn Ngân hàng đều đã quá hạn thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	212.880.284	(3.000.000)	209.880.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	1.625.739.279
Cộng	<u>1.838.619.563</u>	<u>(3.000.000)</u>	<u>1.835.619.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số dư đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Năm trước			
Vốn góp của chủ sở hữu	83.536.200.000	-	83.536.200.000
Cổ phiếu quỹ	11.927.177.227	-	11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	42.340.512.899	-	42.340.512.899
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(358.926.045.032)	(14.403.128.262)	(373.329.173.294)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	448.715.836	(208.275.157)	240.440.679
Cộng	(220.673.439.070)	(14.611.403.419)	(235.284.842.489)
Năm nay			
Vốn góp của chủ sở hữu	83.536.200.000	-	83.536.200.000
Cổ phiếu quỹ	11.927.177.227	-	11.927.177.227
Quỹ đầu tư phát triển	42.340.512.899	-	42.340.512.899
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(397.294.758.388)	(15.886.492.291)	(413.181.250.679)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	852.023.689	(86.444.025)	765.579.664
Cộng	(258.638.844.573)	(15.972.936.316)	(274.611.780.889)

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ**21a. Tài sản cầm cố, thế chấp**

	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	199.858.163.970	204.313.522.344	
Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1	199.858.163.970	204.313.522.344	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang
Tài sản cố định vô hình (xem Thuyết minh số V.10)	1.620.000.000	1.620.000.000	
Quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng	1.620.000.000	1.620.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình
Cộng	201.478.163.970	205.933.522.344	

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Nhóm công ty bao gồm 135,82 USD (Số đầu năm: 213,64 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây lắp, gia công	12.732.684.007	31.095.110.982
Doanh thu bán điện	8.990.259.209	7.970.560.758
Doanh thu cung cấp dịch vụ	917.454.546	1.078.909.091
Cộng	22.640.397.762	40.144.580.831

Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	3.592.012.297	31.095.110.982
Doanh thu của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	9.140.671.710	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	12.732.684.007	31.095.110.982
 Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện được ghi nhận đến cuối kỳ	 98.180.791.126	 107.592.593.233

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây lắp	13.268.233.525	27.092.529.002
Giá vốn bán điện	5.708.080.200	5.545.319.057
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	672.782.808	800.735.854
Cộng	19.649.096.533	33.438.583.913

3. Chi phí tài chính

Là chi phí đi vay.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.396.903.214	3.115.865.309
Chi phí vật liệu quản lý	225.617.830	220.748.852
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.379.302	27.239.273
Thuế, phí và lệ phí	12.053.279	10.000.000
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(50.000.000)	2.726.280.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	937.591.118	1.003.726.973
Các chi phí khác	631.200.200	735.480.668
Cộng	5.180.744.943	7.839.341.476

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	27.647.164	119.295.930
Tiền chậm nộp thuế	1.111.860.668	612.627.895
Lãi chậm thanh toán	1.053.347	803.632.266
Chi phí khác	-	83.558.182
Cộng	1.140.561.179	1.619.114.273

6. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.886.492.291)	(14.403.128.262)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(15.886.492.291)	(14.403.128.262)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ	8.353.620	8.353.620
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.902)	(1.724)

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.236.597.679	6.830.306.637
Chi phí nhân công	10.993.591.344	10.010.065.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.458.828.151	4.458.828.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.584.279.516	22.724.003.020
Chi phí khác	947.523.547	3.734.008.261
Chênh lệch tăng/giảm hàng tồn kho (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang).	609.021.239	(6.479.286.042)
Cộng	24.829.841.476	41.277.925.389

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

- ✓ Công ty nhận được thông báo số 44/2026/TB-TA ngày 17/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội về việc yêu cầu báo cáo phục vụ xem xét yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản theo yêu cầu của Công ty cổ phần Cơ khí Hồng Nam đối với Công ty với số tiền nợ là: 16.949.544.884 VND. Công ty đang phối hợp với Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội để giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản từ Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam.
- ✓ Công ty cũng đã nhận được Đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mà đại diện ủy quyền là Chi nhánh Hồng Hà (Agribank Chi nhánh Hồng Hà) ngày 07 tháng 12 năm 2023 gửi Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank Chi nhánh Hồng Hà toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 08 tháng 11 năm 2023 là 36.576.016.850 VND. Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm liên quan đến vụ kiện này. Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh đầy đủ nợ gốc và nợ lãi phải trả Agribank Chi nhánh Hồng Hà tại 30/06/2026 là 38.053.455.849 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- ✓ Công ty đã nhận được Thông báo số 39/TLST-KDTM ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hà Nội về việc thụ lý vụ án Công ty cổ phần Lilama 45.3 khởi kiện Công ty liên quan đến Hợp đồng cung cấp hợp đồng gia công chế tạo, tổ hợp 03 bộ cánh van cùng nhà máy thủy điện Xekaman 1 với số tiền là: 2.325.590.443 VND (Trong đó: nợ gốc 1.005.352.064 VND; nợ lãi, phạt 1.320.238.379 VND) và đã gửi công văn bản xin hoãn phiên tòa dự kiến vào ngày 20/08/2026 để Công ty xem xét thêm các tài liệu, chứng cứ có liên quan.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm công ty không phát sinh giao dịch về tạm ứng/hoàn tạm ứng của các thành viên Ban điều hành.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các Thuyết minh số V.5.

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

Ông Vũ Anh Đoàn dùng tài sản là xe ô tô Toyota Camry thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà (xem thuyết minh số V.18).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	164.637.387	-	164.637.387
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	133.727.911	22.000.000	155.727.911
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT (đến ngày 26 tháng 6 năm 2026)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	22.000.000	22.000.000
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	139.558.000	22.000.000	161.558.000
Ông Trịnh Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT (từ ngày 26 tháng 6 năm 2026)	-	-	-
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 26 tháng 6 năm 2026)	-	22.000.000	22.000.000
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 26 tháng 6 năm 2026)	-	-	-
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 26 tháng 6 năm 2026)	210.138.763	15.000.000	225.138.763

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	-	15.000.000	15.000.000
Ông Vũ Văn Tú	Thành viên Kiểm soát (từ ngày 26 tháng 6 năm 2026)	-	-	-
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	94.207.974	-	94.207.974
Cộng		742.270.035	140.000.000	882.270.035
Kỳ trước				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	169.235.113	-	169.235.113
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	133.827.581	13.745.455	147.573.036
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	13.745.455	13.745.455
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	13.745.455	13.745.455
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	137.214.000	13.745.455	150.959.455
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	13.745.455	13.745.455
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	86.984.324	9.309.092	96.293.416
Ông Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát	122.104.000	9.309.092	131.413.092
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	95.348.942	-	95.348.942
Cộng		744.713.960	87.345.459	832.059.419

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Bên liên quan của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sông Đà 19 (Nay là Công ty Cổ phần Sunspace Holdings)	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Hacotec Group	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần May Thanh Trì	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm công ty không phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.13 và V.17a.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Xây dựng, gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và kinh doanh thủy điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	13.650.138.553	8.990.259.209	22.640.397.762
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.650.138.553	8.990.259.209	22.640.397.762
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(290.877.780)	3.282.179.009	2.991.301.229
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(5.180.744.943)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(2.189.443.714)
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư			-
Doanh thu hoạt động tài chính	1.222.362	852.142	2.074.504
Chi phí tài chính	(10.369.107.014)	(2.273.993.547)	(12.643.100.561)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-
Thu nhập khác	3.150.000	-	3.150.000
Chi phí khác	(1.054.758.145)	(85.803.034)	(1.140.561.179)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.055.366)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(15.972.936.316)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	119.040.590	4.471.955.346	4.590.995.936
	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.174.020.073	7.970.560.758	40.144.580.831
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.174.020.073	7.970.560.758	40.144.580.831
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.280.755.217	2.425.241.701	6.705.996.918
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(7.839.341.476)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(1.133.344.558)
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư			-
Doanh thu hoạt động tài chính	19.875.177	675.161	20.550.338
Chi phí tài chính	(8.503.919.450)	(3.370.520.110)	(11.874.439.560)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-
Thu nhập khác		-	-
Chi phí khác	(1.615.614.273)	(3.500.000)	(1.619.114.273)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.055.366)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(14.611.403.419)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	119.040.590	4.446.678.517	4.565.719.107

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	476.708.460.648	215.825.287.512	(109.735.079.990)	582.798.668.170
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				582.798.668.170
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	751.250.785.713	208.216.496.661	(102.056.833.315)	857.410.449.059
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				857.410.449.059
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	485.699.540.746	219.531.853.744	(109.985.144.704)	595.246.249.786
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng tài sản				595.246.249.786
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	744.335.152.057	211.069.340.502	(101.519.398.200)	853.885.094.359
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả				853.885.094.359

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh, trình bày lại, do: (i) áp dụng các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số III.1):

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	2.659.332.458	2.659.332.458	(i)
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(42.363.754.571)	2.500.000.000	(39.863.754.571)	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.565.290.160	2.565.290.160	(i)
Phải trả ngắn hạn khác	320	262.772.596.724	(2.565.290.160)	260.207.306.564	(i)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.458.828.151	119.040.590	4.577.868.741	(ii)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(47.620.085)	(119.040.590)	(166.660.675)	(ii)

- (i) Các điều chỉnh liên quan đến việc trình bày lại các khoản: cho vay, dự phòng phải thu về cho vay và cổ tức phải trả.
- (ii) Trình bày lại khoản phân bổ chi phí thuê đất dài hạn từ chi tiêu “Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ” sang chi tiêu “Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư”.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Nhóm công ty tiếp tục lỗ (15.886.492.291) VND, số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là (413.181.250.679) VND, vốn chủ sở hữu âm (274.611.780.889) VND và tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 440.649.538.948 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Tuy nhiên, Nhóm công ty vẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục vì các lý do sau:

- Công ty mẹ vẫn đang tích cực làm việc với các bên giao thầu để quyết toán công trình, thu hồi công nợ. Một số hợp đồng mới vẫn được ký kết. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tới.
- Công ty Cổ phần Someco Hà Giang: Hoạt động của Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 đang dần ổn định, dòng tiền từ kinh doanh thủy điện có thể chi trả được các khoản nợ đến hạn.

6. Các giả định và ước tính quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải xây dựng các ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng/tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và giả định này.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh IV.5 và Thuyết minh V.6);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh IV.6 và Thuyết minh V.7);
- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh IV.8 và Thuyết minh V.9);
- Ước tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh IV.17 và Thuyết minh V.11, V.15).

Các ước tính và giả định nêu trên được Ban điều hành xây dựng trên cơ sở thông tin và kinh nghiệm tốt nhất hiện có và được xem xét, đánh giá lại tại mỗi kỳ báo cáo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trên cơ sở đánh giá các yếu tố không chắc chắn liên quan đến các ước tính và giả định nêu trên, Ban điều hành xác định không có nội dung trọng yếu cần thuyết minh bổ sung về mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra các trường hợp khác nhau hoặc các biện pháp dự kiến thực hiện trong kỳ kế toán tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Không có thay đổi trọng yếu trong cơ sở và phương pháp xác định các ước tính kế toán so với các cơ sở và phương pháp đã áp dụng khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

7. Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng

7a. Các vụ kiện do Công ty là nguyên đơn

✓ Vụ kiện liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1:

Ngày 11/09/2023, Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ("Someco1"/Công ty liên kết) với nội dung đề nghị Tòa án xác định vốn điều lệ thực góp của Someco 1 và phần vốn thực tế Công ty đã góp. Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý ngày 09/04/2024. Tại Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 05/09/2024, Tòa án tuyên số vốn các cổ đông đã góp vào Someco 1 đến ngày 08/05/2024 là 58.435.259.018 đồng và số vốn Công ty đã góp là 39.124.823.018 đồng. Sau đó, Someco 1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và vụ án được thụ lý phúc thẩm ngày 20/02/2025. Do phía Someco 1 nhiều lần xin hoãn hoặc vắng mặt tại các phiên tòa phúc thẩm, ngày 19/01/2026 Tòa phúc thẩm đã ban hành Quyết định số 01/2026/QĐ-PT đình chỉ xét xử phúc thẩm; theo đó, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

7b. Các vụ kiện mà Công ty là bị đơn

Các vụ kiện đã có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội) (Gồm các nguyên đơn: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Đông Dương (nay là Công ty Cổ phần PT Đông Dương), Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thái Dương, Công ty Cổ phần Nhật Nam, Viện Nghiên cứu cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh): Số dư nợ gốc còn phải trả các nhà cung cấp này tại thời điểm ký Biên bản hòa giải là 27.056.167.876 VND; Số lãi chậm trả theo thỏa thuận là 3.722.000.000 VND; Số dư nợ gốc còn phải trả đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 14.810.640.870 VND.

Công ty chưa thanh toán cho các nhà cung cấp theo đúng tiến độ trong Biên bản hòa giải, cũng chưa ước tính lãi chậm trả từ thời điểm ký Biên bản thỏa thuận. Công ty đã nhận được quyết định thi hành án theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông đối với khoản nợ phải trả Viện Nghiên cứu Cơ khí (Narime) và Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh nhưng chưa áp dụng biện pháp thi hành án.

8. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện



Lê Văn Tám